

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2021/DS-PT

Ngày: 14-6-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thọ X, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn C – Bị đơn.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thọ X trình bày:

Con gái của bà là Phạm Thị Thùy T có chung sống với ông Võ Văn C nhưng không có đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2017, ông C có hành vi vi phạm pháp luật nên bị công an bắt. Ông C gọi điện thoại cho bà hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại trong vụ án. Do bà nghĩ hoàn cảnh con gái của bà đang nuôi con nhỏ nên bà đồng ý cho ông C mượn. Bà giao cho con gái là Phạm Thị Thùy T 20.000.000 đồng để bà T đi đóng tiền cho ông C. Cũng trong năm 2017, cách vài tháng trước khi ông C bị bắt, ông C có hỏi mượn của bà 500.000 đồng để thuê xe chở đồ cũ về nhà ông C. Việc cho mượn giữa hai bên không có lập văn bản.

Quá trình ông C đi chấp hành án, con gái của bà có mượn 6.000.000 đồng để đi thăm ông C, do con gái bà hỏi mượn nên bà không yêu cầu số tiền này.

Nay bà chỉ yêu cầu ông C trả số tiền mà ông C là người trực tiếp hỏi mượn là 20.500.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi. Bà không đồng ý cân trừ số tiền 9.000.000 đồng mà ông C yêu cầu bà T trả lại. Vì số tiền 9.000.000 đồng là vấn đề riêng của ông C và bà T.

Bà chỉ yêu cầu ông C trả số tiền trên cho bà mà không yêu cầu bà T cùng trả vì khi ông C bị bắt có gọi điện thoại cho bà để hỏi mượn tiền, và bà đưa cho bà T theo như ý kiến của ông C để bà T nộp tiền cho ông C thi hành án.

Bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Tại biên bản hòa giải ngày 18-11-2020 và biên bản lấy lời khai ông C xác định năm 2017, ông có gây thương tích cho người khác nên bị khởi tố hình sự. Thời điểm đó, ông có nhờ vợ ông là Phạm Thị Thùy T sinh năm 1976 (chưa đăng ký kết hôn) mượn tiền của bà Võ Thị Thọ X (mẹ của bà T) số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khi đó Tòa án buộc bồi thường là khoảng 18.000.000 đồng nhưng mẹ ruột của ông cho 3.000.000 đồng. Do đó, ông chỉ yêu cầu mượn 15.000.000 đồng của bà X. Hiện nay, ông mới chấp hành án xong khoảng hơn 01 năm nên chưa có công việc ổn định, từ từ ông sẽ thu xếp trả cho bà X. Do đó, ông chỉ đồng ý trả số tiền 15.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 01-12-2020, ông C đồng ý trả số tiền đã mượn là 20.500.000 đồng nhưng yêu cầu cân trừ số tiền 9.000.000 đồng mà bà T đã bán tài sản của ông trong thời gian ông chấp hành án.

Tuy nhiên, sau đó tại biên bản hòa giải ngày 22-12-2020 ông C xác định không có mượn bà X số tiền 20.500.000 đồng nên không đồng ý trả cho bà X.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn C cho rằng các lời khai trong quá trình giải quyết là ông khai chưa đúng. Ông xác định lại là ông không có mượn tiền bà X nên không đồng ý trả cho bà X. Nếu bà T yêu cầu thì ông đồng ý trả cho bà T và yêu cầu cân trừ số tiền mà bà T đã bán tài sản của ông là 9.000.000 đồng. Thời điểm ông bị bắt thì ông có yêu cầu bà T đóng tiền bồi thường cho ông nhưng bà

T không đóng. Đến khi ông chấp hành án được 01 năm thì bà T có đến thăm, khi đó ông có nhờ bà T mượn tiền để đóng phần bồi thường cho ông, ông không biết bà T mượn tiền của ai. Sau khi chấp hành án xong thì ông có biết bà T mượn tiền từ bà X. Ông cũng đồng ý trả nhưng do còn trả các khoản nợ khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy T trình bày:

Bà T xác định có nhận số tiền 20.000.000 đồng từ mẹ của bà là Võ Thị Thọ X để đóng tiền bồi thường cho ông C, do ông C hỏi mượn bà X để đưa cho bà đóng tiền. Bà đã nộp nhiều khoản tiền và đi thăm ông C rất nhiều lần nhưng sau khi ông C về nhà đã đốt hết các giấy tờ, do đó bà chỉ cung cấp được biên lai thu tiền của Chi cục thi hành dân sự huyện Cần Giuộc cụ thể tại biên lai thu số 7176 ngày 20-4-2018 với số tiền 18.990.000 đồng và biên lai thu số 7285 ngày 31-8-2017 với số tiền 1.350.000 đồng. Bà xác định ông C có gọi hỏi mượn bà X trước nên bà X mới đưa cho bà số tiền 20.000.000 đồng để đóng cho ông C. Nay bà cũng yêu cầu ông C trả số tiền cho bà X là 20.500.000 đồng. Đối với số tiền ông C yêu cầu bà trả lại là 9.000.000 đồng thì bà có yêu cầu cần trừ vào tiền cấp dưỡng nuôi con chung trong thời gian ông C chấp hành án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 96 Bộ tổ tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 4 Điều 275, 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thọ X đối với ông Võ Văn C về việc đòi số tiền 20.500.000 đồng.

2. Buộc ông Võ Văn C phải trả cho bà Võ Thị Thọ X số tiền 20.500.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01-02-2021, bị đơn ông Võ Văn C kháng cáo với lý do ông không có mượn tiền của bà Võ Thị X. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Võ Thị Thọ X trình bày:

Khoảng năm 2017, bà có cho ông C mượn 500.000 đồng để thuê xe chở đồ cũ về nhà ông C. Sau đó, trong khoảng thời gian ông C đi chấp hành án phạt tù, ông C có điện thoại mượn bà 20.000.000 đồng đóng tiền thi hành bản án để được giảm án và bà đã giao 20.000.000 đồng cho con bà là T đóng tiền thi hành án cho ông C. Nay bà yêu cầu ông C trả số tiền tổng cộng là 20.500.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông chỉ có mượn bà X 500.000 đồng, không có điện thoại mượn bà X số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền nộp thi hành án là do bà T bán tài sản của ông để thi hành án, ông chỉ đồng ý trả cho bà T và phải khấu trừ số tiền 9.000.000 đồng là tài sản của ông do bà T đang giữ.

Bà Phạm Thị Thùy T trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của bà X, ông C có điện thoại mượn bà X 20.000.000 đồng. Bà đóng tiền thi hành án và đi thăm nuôi ông C còn nhiều hơn số tiền 20.000.000 đồng nhưng do ông C đã đốt hết giấy tờ nên bà không chứng minh được.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông C có mượn của bà X 20.500.000 đồng, bà T là người nộp tiền thi hành án thay cho ông C. Bà T có con nhỏ, kinh tế khó khăn. Tại Biên bản hòa giải ngày 01-12-2020, ông C thừa nhận ông mượn bà X 20.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định ông C có mượn bà Xuân số tiền 20.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc ông C trả 20.500.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà X trình bày, vào khoảng năm 2017, bà có cho ông C mượn của bà 500.000 đồng để thuê xe chở đồ cũ về nhà ông C. Sau đó, trong khoảng thời gian ông C đi chấp hành án phạt tù, ông C có điện thoại mượn bà 20.000.000 đồng đóng tiền thi hành bản án để được giảm án và bà đã giao 20.000.000 đồng cho con bà là T đóng tiền thi hành án cho ông C. Nay bà yêu cầu ông C trả số tiền tổng cộng là 20.500.000 đồng nên có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp đòi tài sản từ người hưởng lợi không có căn cứ*” là không chính xác, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 22-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và Bản án số: 65/HSPT ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt ông Võ Văn C 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12-01-2017. Ông C có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Thanh Đông 18.990.000 đồng và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Tại Biên lai thu tiền số 0007476 ngày 20-4-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc, bà Phạm Thị Thùy T nộp tiền bồi thường thay cho ông C là 18.990.000 đồng theo bản án số 65/HSPT/2017 ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; tại Biên lai thu tiền số 0007285 ngày 31-8-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc, bà Phạm Thị Thùy T nộp thay cho ông C là 1.350.000 đồng theo bản án số 23/HSST ngày 22-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc và bản án số 65/HSPT/2017 ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tổng cộng số tiền bà T nộp thay cho ông C là 20.340.000 đồng.

[4] Tại Biên bản hòa giải ngày 18-11-2020 ông C trình bày: “*Ông thừa nhận năm 2017, ông gây thương tích cho người khác nên bị khởi tố hình sự. Thời điểm đó, ông có nhờ vợ ông là Phạm Thị Thùy T sinh năm 1976 (chưa đăng ký kết hôn) mượn tiền của bà Võ Thị Thọ X (mẹ của bà T)...để bồi thường thiệt hại...*”; tại Biên bản hòa giải ngày 01-12-2020 ông C trình bày: “*Qua 02 biên lai thu tiền của cơ quan thi hành án mà bà T cung cấp cho Tòa án thì ông đồng ý số tiền ông mượn bà X 20.500.000 đồng, ông đồng ý trả số tiền trên*”.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định ông C có mượn bà X số tiền 20.500.000 đồng (trong đó phần nợ 500.000 đồng bà X và ông C thống nhất, đây là tình tiết không cần phải chứng minh).

[6] Ông C cho rằng ông không có mượn tiền bà X nên không đồng ý trả cho bà X là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tuy ông C không thừa nhận mượn tiền của bà X nhưng đồng ý trả số tiền này cho bà T và yêu cầu khấu trừ 9.000.000 đồng bà T đã bán tài sản của ông C; bà T thừa nhận số tiền 20.500.000 đồng là của bà X. Đối với số tiền 9.000.000 đồng ông C yêu cầu bà T trả lại đã được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 26-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, quyết định: “*Buộc bà Phạm Thị Thùy T trả cho ông Võ Văn C số tiền 9.000.000 đồng*”.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc ông C phải trả cho bà Võ Thị Thọ X số tiền 20.500.000 đồng là có căn cứ. Ông C kháng cáo với lý do ông không có mượn tiền của bà Võ Thị X và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do sửa bản án sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo nên ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thọ X đối với ông Võ Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

2. Buộc ông Võ Văn C có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Thọ X số tiền 20.500.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn C phải chịu 1.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008327 ngày 01-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc để thi hành án phí.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu